TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/3/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Hồng Nga;

2. Ông Lê Phú Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 566/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2025:

- *Nguyên đơn*: Ông Đỗ Hoàng T, sinh năm 1980; thường trú: Số M, tổ D, khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số F, tổ A, Đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; thường trú: Số M, tổ D, khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số F, tổ A, Đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2024, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Đỗ Hoàng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Hoàng T và bà Nguyễn Thị N tự nguyện yêu nhau, tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấynhận kết hôn số: 53 ngày 04/4/2019.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do có những khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung.

Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Đỗ Hoàng T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Hoàng Phương N1, sinh ngày 17/11/2006 và Đỗ Hoàng Đức H, sinh ngày 11/8/2012. Sau khi ly hôn, ông Đỗ Hoàng T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Hoàng Đức H không yêu cầu bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đỗ Hoàng Phương N1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N: Bà N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, triệu tập yêu cầu đến Tòa án để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng trong suốt quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 03/12/2024 sau khi đại diện Tòa án nêu nội dung của buổi làm việc thì được đại diện Hội Liên hiệp phụ nữ phường cho biết: Anh T, chị N không phải là thành viên hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án anh T, chị N không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Hội Liên hiệp phụ nữ phường cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội liên hiệp phụ nữ phường không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa anh T và chị N. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An*: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 228 và 238 Bộ luật Tốtụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Đỗ Hoàng T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 14/3/2025 và ngày 21/3/2025 nhưng vắng mặt

không rõ lý do. Căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Ông Đỗ Hoàng T và bà Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/4/2019. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc nên ông T yêu cầu ly hôn với bà N. Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị N để hòa giải nhưng bà N vắng mặt không rõ lý do. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông T yêu cầu ly hôn với bà N là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông Đỗ Hoàng T.

[3] Về con chung: Ông Đỗ Hoàng T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Đỗ Hoàng Đức H, sinh ngày 11/8/2012. Đối với cháu Đỗ Hoàng Phương N1, sinh ngày 17/11/2006 đã trưởng thành nên ông T không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị N cũng không có ý kiến gì đối với con chung. Cháu H có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, việc giao cháu Đỗ Hoàng Đức H, sinh ngày 11/8/2012 cho ông Đỗ Hoàng Trung trực T1 nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Hoàng T.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Hoàng T không yêu cầu bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận địnhcủa Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 2.390.255 đồng, nguyên đơn Đỗ Hoàng T tự nguyện chịu, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng chi phí nguyên đơn đã nộp tại Tòa án.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Hoàng T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hoàng T về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Hoàng T được ly hôn với bà Nguyễn Thị N (theo G nhận kết hôn số 53 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 04/4/2019).

- Về con chung: Ông Đỗ Hoàng T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Hoàng Đức H, sinh ngày 11/8/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Hoàng T không yêu cầu bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Đỗ Hoàng T và bà Nguyễn Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

3. Chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 2.390.255 đồng, nguyên đơn Đỗ Hoàng T tự nguyện chịu, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng chi phí nguyên đơn đã nộp tại Tòa án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Hoàng T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001916 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà